TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:63/2018/HS-ST
Ngày: 30/11/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D – TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Tín
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Hưởng;
2. Ông Trần Trực.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dânhuyện D – Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Tấn Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩmthụ lý số: 61/2018/TLST-HS ngày 11 tháng 10 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2018/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 10 năm 2018 đốivới bị cáo:

Lê Tú N, sinh ngày 12/9/1973 tại tỉnh Thanh Hóa; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn I, xã Quảng C, huyện X, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Tú T (đã chết) và bà Bùi Thị S (sinh năm 1953); vợ là Nguyễn Thị L (sinh năm 1976), có 02 con, lớn sinh năm 1995, nhỏ sinh năm 2001; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại, "có mặt".

- *Bị hại:* Bà **Trương Thị L** - sinh năm 1963 (*đã chết vào ngày 15/12/2017*).

Trú tại: Tổ dân phố P 2, thị trấn D, huyện D, Khánh Hòa.

- *Đại diện hợp pháp của bị hại*:

1. Ông **Phan V** - sinh năm 1962 (chồng bà L)

Địa chỉ: Tổ dân phố P 2, thị trấn D, huyện D, Khánh Hòa. Ông V ủy quyền anh Phan Trọng H (văn bản ủy quyền ngày 05/4/2018), "anh H có mặt".

2. Bà **Đặng Thị T**- sinh năm 1938 (mẹ ruột bà L), "vắng mặt".

Địa chỉ: Thôn P 4, xã A, huyện D, Khánh Hòa,

3. Anh **Phan Trọng H** - sinh năm 1990 (con ruột bà L), "có mặt"

4. Anh **Phan T** - sinh năm 1995 (con ruột bà L), "có mặt"

Cùng trú tại: Tổ dân phố P 2, thị trấn D, huyện D, Khánh Hòa.

- *Bị đơn dân sự*: **Công ty cổ phần xuất nhập khẩu G**

Địa chỉ: Nhà L13, ngõ 65, phố M, phường M, quận C, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Bà **Nguyễn Thị U** - sinh năm 1981 - Giám đốc Công ty cổ phần xuất nhập khẩu G, "vắng mặt".

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông **Nguyễn Văn O** - sinh năm 1931, "vắng mặt"

Địa chỉ: Tổ 4, khóm 5, tổ dân phố P 2, thị trấn D, huyện D, Khánh Hòa.

2. **Công ty cổ phần Ô tô M,** "vắng mặt"

Địa chỉ: Thị trấn Q, huyện M, thành phố Hà Nội.

- *Người làm chứng*:

1. Ông **Nguyễn Văn A** - sinh năm 1970, "vắng mặt"

Trú tại: 190 H, thị trấn D, huyện D, Khánh Hòa.

2. Ông **Lê Đ** - sinh năm 1973, "vắng mặt"

Trú tại: 172 H, thị trấn D, huyện D, Khánh Hòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Tú N (có giấy phép lái xe ô tô theo quy định) là nhân viên lái xe của Công ty cổ phần xuất nhập khẩu G. Ngày 12/12/2017, N được phân công điều khiển xe ô tô đầu kéo mang biển kiểm soát tạm thời T88-393.79(cấp cho chủ xe là Công ty cổ phần ô tô M, có giá trij hết ngày 31/12/2017) đi từ Hà Nội vào thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai để giao cho khách hàng.

Khoảng 12 giờ ngày 15/12/2017, N điều khiển xe ô tô đầu kéo nêu trên lưu hành trên Quốc lộ 1A hướng Bắc – Nam đến khu vực km 1455 đường Quốc lộ 1A (thuộc địa phận thị trấn D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa). Đây là đoạn đường hai chiều, có giải phân cách cứng giữa đường, trên mỗi phần đường có vạch sơn đứt quãng phân chia làn đường. N thấy có biển báo và công trình đang thi công ở làn đường sát dải phân cách cứng nên N điều khiển xe ô tô đầu kéo đi về phía bên phải đi giữa làn đường dành cho xe ô tô và làn dành cho xe ô tô – mô tô để tránh. Sau khi đến hết đoạn đường đang thi công khoảng 100m, N vẫn điều khiển xe đi ở làn đường dành cho xe ô tô – mô tô. N thiếu quan sát nên không phát hiện xe mô tô 79-100DA (ông Nguyễn Văn O đứng tên trong giấy chứng nhận đăng ký xe) do bà Trương Thị L điều khiển đang lưu thông phía trước cùng chiều nên cản xe phía

trước bên phải xe ô tô đàu kéo do N điều khiển đã va chạm vào đuôi xe mô tô 79-100DA do bà Trương Thị L điều khiển gây tai nạn, bà L và xe mô tô bị cuốn vào gầm xe ô tô đầu kéo, bà L bị thương nặng và tử vong tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Khánh Hòa. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, Lê Tú N đã khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Trung tâm pháp y tỉnh Khánh Hòa kết luận tại bản kết luận giám định pháp y trên hồ sơ số 31/GĐHS-TTPY ngày 12/02/2018: Nguyên nhân tử vong của bà Trương Thị L là do đa chấn thương.

Hội đồng định giá tài sản huyện D kết luận tại bản kết luận định giá tài sản số 21 ngày 28/5/2018: Tài sản thiệt hại của xe mô tô trong vụ tai nạn giao thông có giá trị 4.500.000 đồng (*Bốn triệu năm trăm nghìn đồng*).

Tại bản cáo trạng số 31/CT –VKSDK ngày 30/5/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện D đã truy tố bị cáo Lê Tú N về tội *"Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ"* theo khoản 1 Điều 202 của Bộ luật hình sự 1999.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D giữ nguyên quyết định truy tố theo điều luật đã viện dẫn trên và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 202, điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 60 Bộ luật hình sự 1999, xử phạt bị cáo Lê Tú N từ 06 (*Sáu*) tháng đến 09 (*Chín*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 (*Mười hai*) tháng đến 18 (*Mười tám*) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu thu thập được trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bà Đặng Thị T, đại diện hợp pháp của Công ty cổ phần xuất nhập khẩu G và Công ty cổ phần ô tô M, ông Nguyễn Văn O đều vắng mặt tại phiên tòa, nhưng chỉ liên quan đến vấn đề bồi thường và xử lý vật chứng nên căn cứ Điều 292 và Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án, các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác trong vụ án không có

khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2]. Về nội dung vụ án:Căn cứ vào hồ sơ thi sát hạch, Sở giao thông vận tải tỉnh Ninh Bình cấp lại giấy phép lái xe số 370120003752 hạng C vào ngày 11/10/2017 cho Lê Tú N sinh ngày 12/9/1972. Sau đó, Lê Tú N làm thủ tục đề nghị cải chính lại hộ tịch và Ủy ban nhân dân xã Q cấp lại giấy khai sinh cho Lê Tú N có ngày tháng năm sinh là ngày 12/9/1973, cho thấy việc khác năm sinh trong trong giấy phép lái xe so với giấy khai sinh là do bị cáo đã cải chính hộ tịch, nên Hội đồng xét xử xác định bị cáo Lê Tú N có giấy phép lái xe theo quy định.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận quá trình vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của đại diện hợp pháp của bị hại, và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, nên bản cáo trạng số 31/CT-VKSDK ngày 30/5/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện D là có căn cứ, đúng pháp luật, đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Lê Tú N đã phạm tội "Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 202 củaBộ luật hình sự năm 1999.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo Lê Tú N có giấy phép lái xe nhưng tham gia giao thông điều khiển xe ô tô đi ở làn đường dành cho xe ô tô – mô tô do thiếu quan sát, không giữ khoảng cách an toàn đối với xe chạy trước xe của mình,không phát hiện xe mô tô 79-100DA do bà Trương Thị L điều khiển đang lưu hành phía trước cùng chiều nên cản xe phía trước bên phải của xe ô tô đầu kéo va chạm vào đuôi xe mô tô gây tai nạn, bà L bị thương nặng và tử vong tại bệnh viên do đa chấn thương. Bị cáo Lê Tú N khi điều khiển xe ô tô tham gia giao thông đã vi phạm khoản 01 Điều 12 Luật giao thông đường bộ, gây ra tai nạn làm chết một người, lỗi này hoàn toàn thuộc về bị cáo. Hành vi đó của bị cáo cần phải xử phạt nghiêm mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã bồi thường thiệt hại khắc phục một phần hậu quả cho gia đình bị hại, bị cáo chưa có tiền án và tiền sự, đã tham gia nghĩa vụ quân sự, đại diện hợp pháp của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo,đây là các tình tiết để xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo; bị cáo có nhân thân tốt, nơi cư trú rõ ràng nên cần xem xét và cho bị cáo được hưởng án treo là phù hợp.

[3]. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Lê Tú N và Công ty cổ phần xuất nhập khẩu G đã bồi thường cho gia đình bị hại 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu

đồng), đại diện hợp pháp của bị hại có mặt tại phiên tòa không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét. Bà Đặng Thị T vắng mặt tại phiên tòa nên tách yêu cầu bồi thường thành vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

[4]. Về xử lý vật chứng vụ án:Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện D đã trả xe ô tô đầu kéo BKS tạm thời T88-393.79 và xe mô tô BKS 79-100DA nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Bị cáo Lê Tú N phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Lê Tú N phạm tội"Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ".

Áp dụng khoản 1 Điều 202; điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt:Bị cáo Lê Tú N 01 (Một) năm tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo**.** Buộc bị cáo chấp hành thời gian thử thách 24 (*Hai mươi bốn*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Quảng C – Quảng X – Thanh Hóa giám sát bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

2. Trách nhiệm dân sự:Tách yêu cầu bồi thường của bà Đặng Thị T thành vụ án dân sự khác khi có yêu cầu

3. Án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Lê Tú N phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo, ông Phan Văn N, anh Phan Trọng H và anh Phan T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử theo thủ tục phúc thẩm; bà Đặng Thị T, Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu G,Công ty cổ phần Ô tô M và ông Nguyễn Văn O có

quyền kháng cáo bản án trong thời hạn nêu trên kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện D;
- Công an huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- Bị cáo, bị đơn dân sự,
- Đại diện hợp pháp bị hại,
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

Huỳnh Thị Tín